

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/HS-PT

Ngày: 12- 01-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tỉnh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Lương

Ông Phạm Văn Ngọt

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Thủy Tiên – Thư ký Tòa án

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:**

Ông **Đặng Hữu Tài** – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 100/2023/TLPT-HS ngày 08/12/2023 đối với bị cáo **Tăng Hồng H** do có kháng cáo của người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 39/2023/HS-ST ngày 30-10-2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

- **Bị cáo bị kháng cáo:** **Tăng Hồng H**, sinh năm: 1987 tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: **ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre**; Nghề nghiệp: mua bán; Trình độ học vấn: 8/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông **Tăng Hòa H1**, sinh năm: 1956 và bà **Phạm Thị Hồng H2**, sinh năm: 1960; vợ **Trần Thị Hồng H3**, sinh năm 1988; Tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo:** Bà **Đinh Thị Bé M** – Luật sư **Văn phòng L1, Đoàn luật sư tỉnh T**, có mặt;

- **Người bị hại có kháng cáo:** Ông **Trần Thế H4**, sinh năm 1957. Nơi cư trú: **ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre**, có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị hại: Ông **Nguyễn Văn L**- Luật sư làm việc tại **Trung tâm Tư vấn Pháp luật thuộc Hội Luật gia tỉnh B**.

- Nhân chứng theo yêu cầu của bị hại:

1. **Lý Ngọc C**, sinh năm: 1976; Nơi cư trú: **ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre**.

2. **Trần Thị Lệ U**, sinh năm: 1984; Nơi cư trú: **ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre**.

3. **Trần Thanh T1**, sinh năm 1982; Nơi cư trú: **ấp M, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre**.

4. **Nguyễn Thị Ngọc T2**, sinh năm 1975; Nơi cư trú: **ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tăng Hồng H là người được **Trần Anh P**, sinh năm 1983, cư trú **ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre** nhờ hàng tháng đến nhà ông **Trần Thế H4**, sinh năm 1957 ở **ấp T, xã H** để thu hồi khoản nợ ông **H4** đã vay của bà **Huỳnh Thị Bích T3** (mẹ ruột **P**). Quá trình thu hồi nợ, hai bên phát sinh mâu thuẫn qua lời nói. Vào trưa ngày 17/7/2022, sau khi ông **H4** uống rượu về nghe nói lại việc **H** đến uống nước và đập bể 05 (năm) cái ly thủy tinh xong bồi thường số tiền 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) nên bực tức cầm dao đi đến nhà **H** chửi mắng, thách thức, đòi chém **H** nhưng không gặp. Đến chiều cùng ngày, **H** đi làm về thì nghe nói lại sự việc.

Khoảng 15 giờ ngày 30/7/2022, sau khi uống rượu về **Tăng Hồng H** nhớ lại việc ông **H4** cầm dao tìm mình như trên nên nảy sinh ý định đến nhà tìm ông **H4** nói chuyện. Do sợ bị ông **H4** đánh lại nên **H** gọi điện cho **Nguyễn Hữu T4**, sinh năm 1999 và **Phạm Chí N**, sinh năm 1997 (ngụ cùng ấp với **H**) cùng đi và nói là đi câu cá. Xong, **H** đến phòng tập gym ở **ấp T, xã H** rước **T4** về nhà **H** và đưa túi đựng cần câu cho **T4** mang (bên trong có cần câu và 02 (hai) con dao tự chế do **H** để vào trước đó, **T4** không biết) rồi điều khiển xe mô tô chở **T4** chạy về hướng nhà ông **H4**, đến dốc **cầu H** thì gặp **N**, **N** thấy **T4** có mang túi cần câu nên cũng chạy xe theo. Khi đến trước nhà ông **H4**, **H** thấy ông **H4** đang ngồi trong quán nên chạy xe đến chỗ ông **H4** ngồi và xuống xe đến chửi thề qua lại đồng thời đòi đánh ông **H4**. Thấy ông **H4** đứng dậy, **H** liền đi lại mở túi cần câu lấy một con dao tự chế đi đến dùng sống dao đánh nhẹ vào vai ông **H4** một cái để hù dọa. Ông **H4** liền chạy vào nhà và nói lấy dao chém **H** nên **H** cầm dao chạy theo, riêng **T4** và **N** thì đứng ở ngoài lộ trước quán. Khi đến bậc tam cấp trước nhà, do say rượu nên ông **H4** vấp té, lúc này **H** chạy đến nhưng không chém. Ông **H4** tiếp tục chạy vào nhà, **H** chạy vòng sang đường bên hông đến cửa sau thì thấy ông **H4** nên **H** chém vào cánh cửa một cái để ông **H4** lùi vào. Ông **H4** khom xuống chụp lấy con dao chết để ở cạnh cửa cầm bằng hai tay dơ lên đỡ nên **H** chém nhiều cái vào dao, tay và người ông **H4**. Ông **H4** tiếp tục xông đến, **H** lùi lại và thấy tay ông **H4** chảy nhiều máu nên bỏ chạy làm rớt lại ống kim loại gắn ở đuôi cán dao tại hiện trường. Thấy **H** bỏ chạy, ông **H4** tiếp tục đuổi theo ra trước quán (**cấp Quốc lộ E**), **H** chạy về hướng **cầu H**

đội mọi người đưa ông H4 đi cấp cứu mới trở lại lấy xe rồi cùng T4, N đi về. Ông H4 được cấp cứu và điều trị tại Bệnh viện N1, tỉnh Bến Tre đến ngày 08/8/2022 thì xuất viện.

Vật chứng và các đồ vật thu giữ gồm:

- Thu khi khám nghiệm hiện trường:
 - + Dùng bông gòn thu vết màu nâu đỏ nghi máu;
 - + 01(một) ống kim loại hình trụ tròn màu trắng, dài 6,5cm, đường kính 3,3cm, một đầu được hàn kín có chóp hình tam giác;
 - + 01(một) lưỡi dao bằng kim loại, màu nâu đen, mũi bằng, có một bề bén, dài 37cm, rộng 08cm;
 - + 01(một) cán dao bằng gỗ, dài 18cm, đường kính 3,5cm, có nhiều vết màu nâu đỏ nghi máu.
 - T5 tại nhà của Tăng Hồng H:
 - + 01(một) giỏ đựng cần câu cá màu đen, có 04 ngăn, dài 144cm, rộng nhất 29cm, hiệu SHIMANO, có dây xách và dây đeo màu đen;
 - + 01(một) cần câu cá gồm hai đoạn có chiều dài bằng nhau 141cm, 01(một) trục thu dây câu bị gãy rời khỏi thân cần câu;
 - + 01(một) vợt lưới màu xanh đỏ vàng, khung bằng kim loại màu trắng;
 - + 01(một) cán vợt bằng kim loại hình trụ, màu trắng, dài 91cm;
 - + 03(ba) cây chống cần câu bằng kim loại, màu trắng, 01(một) cây dài 108cm và 02(hai) cây dài 97cm;
 - + 01(một) dao tự chế dài 78cm (lưỡi bằng kim loại màu trắng, dài 48cm, mũi nhọn, nơi rộng nhất 3,8cm, có một bề bén có hai vết hằn khuyết kim loại, dính chất màu nâu đỏ nghi máu; cán dao bằng gỗ hình trụ, dài 30cm, chu vi rộng nhất 12cm, phần đuôi thiết kế gắn vật khác vào), dao nặng 910gam;
 - + 01(một) dao dài 75cm (lưỡi bằng kim loại màu trắng, dài 52,5cm, mũi nhọn, nơi rộng nhất 03cm, có một bề bén, có dính chất màu nâu đỏ nghi máu; cán dao bằng kim loại màu rêu, dài 22,5cm, có nhiều hoa văn), dao nặng 750gam;
 - Tăng Hồng H giao nộp: 01(một) điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng gold, màn hình cảm ứng, sử dụng sim số 0907022592..
- Tại Giấy chứng nhận thương tích số 000704/2022/CN ngày 20/9/2022; số 000784/2022/CN ngày 07/10/2022 và Công văn điều chỉnh giấy chứng nhận thương tích số 159/CV-PY ngày 30/9/2022 của Bệnh viện N1 - tỉnh Bến Tre ghi nhận tình trạng thương tích lúc vào viện của ông Trần Thế H4 như sau:
- + Vết thương ngực (P) vị trí đường nách trước từ khoảng liên sườn 3 đến liên sườn 6, kích thước #08x04cm, bờ nhám nhở, lộ cơ, còn chảy máu rỉ rả;

- + Vết thương cẳng tay phải mặt sau vùng 1/3 giữa #01x02cm rách da nông;
- + Vết thương cẳng tay phải mặt sau vùng 1/3 giữa đứt tĩnh mạch quay, đứt gân dạng dài ngón cái, đứt gân duỗi cổ tay quay dài-ngắn, dập tụ máu mô mềm, lộ xương, có dị vật dơ;
- + Vết thương mặt sau vùng cổ bàn tay phải #08x05cm, bờ sắc gọn, đứt các tĩnh mạch nông mu tay, đứt gân duỗi ngón 4, lộ đầu dưới xương trụ, lộ gân duỗi ngón 3, 5, chảy máu, tụ máu bầm, có dị vật dơ;
- + Vết thương phía lưng đốt gần ngón 2 bàn tay phải #02x03cm, vạt lóc da xuôi dòng, vạt da lóc đứt gần rời chỉ còn cuống nhỏ #01mm, đứt gân duỗi, gãy hờ đốt gần di lệch ít, chảy máu, tụ máu bầm, có dị vật dơ;
- + Vết thương bàn tay trái cạnh ngoài khớp bàn ngón 2 #01x02cm, bờ sắc gọn, đứt trề gân duỗi, lộ xương, chảy máu, có dị vật dơ;
- + Vết thương bàn tay trái #05x05cm, bờ sắc gọn, đứt gần lìa ngang khớp liên đốt gần ngón 3 chỉ còn cuống da mỏng mặt lòng #05mm, phần xa ngón 3 tái nhợt, lạnh, búp ngón xẹp, nhiều dị vật cát đá dơ;
- + 02 vết thương cẳng tay trái mặt sau bên trụ #03x01cm và 01x01cm rách da nông, lộ gân cơ, chảy máu, có dị vật dơ;
- + 02 vết thương mặt trước cẳng tay trái #05x0,5cm rách da nông;
- + Xquang bàn tay phải: Gãy đốt gần ngón 2;
- + Xquang bàn tay trái: Gãy trật khớp liên đốt gần ngón 3;
- + Xquang cẳng tay 2 bên: Không gãy xương.
- + Vết thương bàn tay trái 01 x 01 cm, bờ sắc gọn, đứt trề gân duỗi ngón 4.

Tại Kết luận giám định số 4519/KL-KTHS ngày 09/9/2022 của Phân viện khoa học hình sự - **Bộ C1** tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Vết màu nâu đỏ (ký hiệu M1) là máu người. Phân tích gen (ADN) từ dấu vết máu này được 01 kiểu gen, trùng với kiểu gen của **Trần Thế H4**; Phân tích gen từ 02 con dao tự chế gửi giám định (ký hiệu M2 và M3) đều được 01 kiểu gen, trùng với kiểu gen của **Trần Thế H4**. **H5** lại đối tượng giám định gồm: 02 con dao ký hiệu M2 và M3.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 284-922/TgT ngày 20/10/2022 của **Trung tâm pháp y tỉnh B** kết luận: "... Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích tại thời điểm giám định của bị hại **Trần Thế H4** là 29%. Thương tích của **Trần Thế H4** do vật sắc - nhọn gây ra. Cơ chế hình thành thương tích là do tác động của ngoại lực. 02 dao gửi giám định đặc điểm như nêu trên có thể gây ra thương tích cho **Trần Thế H4**. Không thể xác định cụ thể dao nào gây ra thương tích".

Kết luận giám định pháp y về thương tích số 194/C09B ngày 29/12/2022 của Phân viện khoa học hình sự - **Bộ C1** tại Thành phố Hồ Chí Minh (Giám định lại lần

thứ nhất do ông **Trần Thế H4** yêu cầu) kết luận: "... Áp dụng phương pháp xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể, xác định tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra tại thời điểm giám định của ông **Trần Thế H4** là 31% (Ba mươi một phần trăm)".

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 46/23/TgT ngày 20/3/2023 của Phân viện khoa học hình sự - **Bộ C1** tại **TP.** (Giám định lại lần thứ hai) kết luận: "... Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân **Trần Thế H4** là 31% (Ba mươi một phần trăm)".

Ngày 16/8/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện M** ra Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 94/QĐ-ĐTTH và trả lại các tài sản, đồ vật gồm:

+ Trả cho **Tăng Hồng H**: 01(một) giỏ đựng cần câu cá hiệu SHIMANO; 01(một) cần câu cá gồm hai đoạn; 01(một) trục thu dây câu; 01(một) vợt lưới khung bằng kim loại; 01(một) cán vợt bằng kim loại hình trụ; 03(ba) cây chống cần câu bằng kim loại và 01(một) điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng gold (tất cả có đặc điểm như trên).

+ Trả cho ông **Trần Thế H4**: 01(một) lưỡi dao bằng kim loại, màu nâu đen và 01(một) cán dao bằng gỗ (có đặc điểm như trên).

Các vật chứng, đồ vật còn lại tiếp tục tạm giữ. Riêng mẫu thu vết màu nâu đỏ nghi máu đã phục vụ công tác giám định.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 39/2023/HS-ST ngày 30-10-2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, đã quyết định: Tuyên bố bị cáo **Tăng Hồng H** phạm "Tội cố ý gây thương tích". Áp dụng điểm c khoản 3 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 65 của Bộ Luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Xử phạt bị cáo **Tăng Hồng H** 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 30/10/2023.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên việc chấp hành án treo, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 10/11/2023, người bị hại **Trần Thế H4** kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với **Tăng Hồng H** bằng hình thức phạt tù giam, không đồng ý xử phạt **Tăng Hồng H** 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông **Trần Thế H4** không thay đổi yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Đơn kháng cáo của ông **Trần Thế H4** làm trong hạn luật định. Về tội danh, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo **Tăng Hồng H** phạm "Tội cố ý gây thương tích" theo điểm c khoản 3 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134 Bộ luật Hình sự là đúng quy định

pháp luật, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét mức hình phạt 03 năm tù đối với bị cáo không đủ sức răn đe. Do vậy, bị hại kháng cáo là có cơ sở. Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm d khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo của người bị hại, sửa bản án sơ thẩm. Tuyên bố bị cáo **Tăng Hồng Huy** phạm “Tội cố ý gây thương tích”. Căn cứ vào điểm c khoản 3 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Xử phạt bị cáo **Tăng Hồng H** từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo tranh luận, yêu cầu xem xét giảm hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo, cho rằng, tại phiên tòa chú **H4** cho rằng có một phần lỗi và bản án sơ thẩm có nêu bị hại có một phần lỗi là có căn cứ. Bị cáo không có tiền án tiền sự, có nơi cư trú, bị cáo cho rằng ăn năn có thỏa thuận bồi thường thiệt hại, tội danh cố ý gây thương tích đồng ý với quan điểm của Kiểm sát viên, về thương tích giấy chứng nhận thương tích và giám định có khác nhau (về kích thước thương tích) có ảnh hưởng đến hình phạt của bị cáo, bị hại đưa ra một người khác mặc áo đen cùng gây thương tích bị hại là tình tiết mới. Đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra xét xử lại.

Người bị hại **Trần Thế H4** không tranh luận.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người bị hại đề nghị:

- Việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” cho bị cáo là không thỏa đáng; lời khai của bị cáo quanh co che giấu, còn nhiều mâu thuẫn, bị cáo mang theo 02 mã tấu, thực tế qua giám định đều dính máu ông **H4**, không chứng minh vì sao bị cáo chỉ dùng một mã tấu; che giấu nhân thân hoàn cảnh gia đình đề nghị áp, xã chứng nhận là lao động chính duy nhất trong gia đình; che giấu hành vi đòi nợ mướn; che giấu đồng bọn **T4, N**; Che giấu động cơ mục đích gây án;

- Bản án nêu bị cáo không có tình tiết tăng nặng là bỏ sót không phản ánh đúng tính chất mức độ hung hãn, côn đồ khi phạm tội của bị cáo, gây án có dự mưu, chủ động đến nhà nạn nhân, chuẩn bị nhiều hung khí, rủ thêm đồng bọn, dùng mã tấu chém nhiều nhất từ trên xuống người nạn nhân khi nạn nhân bỏ chạy, lời khai của bị cáo mâu thuẫn với hành vi của bị cáo, đòi nợ theo kiểu xã hội đen chính là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có tính chất côn đồ theo điểm d khoản 1 Điều 52 Bộ luật

hình sự. Các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là không phù hợp, trừ tình tiết bồi thường thiệt hại;

- Nhiều tình tiết vụ án còn mâu thuẫn, bị cáo không đủ điều kiện áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự.

Đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra xét xử lại theo hướng nặng hơn, có tổ chức, xem lại tội danh, không xử mức án và cho hưởng án treo mà bản án sơ thẩm đã tuyên.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin lỗi bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị hại làm trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Lời khai của bị cáo có phần phù hợp với các chứng cứ của vụ án, có cơ sở xác định. Xuất phát từ mâu thuẫn cá nhân nên khoảng 15 giờ ngày 30/7/2022, sau khi đã có uống rượu, **Tăng Hồng H** nhớ lại việc mâu thuẫn trước đó với ông **Trần Thế H4** nên cầm vật thuộc loại hung khí nguy hiểm đến nhà ông **H4** ở **ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre** để nói chuyện với ông **H4** thì hai bên tiếp tục xảy ra mâu thuẫn. **H** dùng vật bằng kim loại là hung khí nguy hiểm mang theo chém nhiều cái vào người ông **H4** gây thương tích cho ông **H4** với tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích qua giám định là 31%.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cho rằng vào khoảng 15 giờ ngày 30/7/2022 khi đến nhà ông **H4** thì giữa bị cáo và ông **H4** có xảy ra mâu thuẫn cự cãi nên bị hại chạy vào nhà và có lấy dao cả hai đều có dùng dao động tác động qua lại nhau và sau khi chém trong nhà bị hại có đuổi theo bị cáo. Do vậy, tình tiết có tính chất côn đồ chưa vững chắc để áp dụng đối với bị cáo.

Với ý thức, hành vi và hậu quả mà bị cáo đã gây ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo **Tăng Hồng H** phạm “Tội cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm c khoản 3 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của người bị hại, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt đã xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

cho bị cáo như: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng; Về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người bị hại; hiện tại bị cáo là lao động chính duy nhất trong gia đình có cha mẹ già và con nhỏ đang đi học được chính quyền địa phương xác nhận (theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự). Trong vụ án này, bị hại có một phần lỗi.

Xét các tình tiết giảm nhẹ: Do bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp tình tiết vụ án để xác định hành vi, ý thức và hậu quả do bị cáo gây ra nên được xem là thành khẩn khai báo, bị cáo ăn năn hối cải nên đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại là phù hợp. Đối với tình tiết bị cáo là lao động chính duy nhất trong gia đình người bảo vệ quyền lợi cho bị hại cho rằng không phù hợp, thấy rằng theo lý lịch của bị cáo thể hiện bị cáo còn em, vợ bị cáo còn trong độ tuổi lao động không bị hạn chế, cha và mẹ của bị cáo khỏe mạnh không lệ thuộc việc chăm sóc từ bị cáo nên không phù hợp để áp dụng cho hoàn cảnh của bị cáo mà thuộc trường hợp bị cáo là lao động chính (theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự);

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét cho bị cáo các tính tiết giảm nhẹ theo khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là phù hợp.

Xét hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo, thấy rằng bị cáo phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, Tòa án cấp sơ thẩm cho bị cáo hưởng án treo là không tương xứng với hành vi và hậu quả mà bị cáo đã gây ra. Do vậy, bị hại kháng cáo không đồng ý cho bị cáo hưởng án treo là có cơ sở. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tỷ lệ tổn thương cơ thể của bị hại ở đầu mức định lượng về tỷ lệ tổn thương cơ thể của khung hình phạt, bị hại thừa nhận có một phần lỗi đến nhà bị cáo chửi bới nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của điều luật mà bị cáo bị truy tố là phù hợp. Do vậy, chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại, sửa bản án sơ thẩm về hình phạt (thay đổi biện pháp chấp hành) đối với bị cáo.

Đối với người bảo vệ quyền lợi cho bị hại cho rằng lời khai của bị cáo, bị hại, người làm chứng có mâu thuẫn chưa được làm rõ. Thấy rằng trong quá trình lấy lời khai có thể hiện việc xác định lời khai trước, lời khai sau để xác định lời khai đúng. Tình tiết vụ án được căn cứ trên các lời khai phù hợp nhau để xác định hành vi và ý thức của bị cáo.

Đối với tình tiết người bảo vệ quyền lợi cho bị hại cho rằng có đồng phạm khác và cung cấp hình ảnh trích từ camera, thấy rằng, sự việc bị cáo tìm đến để gặp ông H4 thì T4 và N không được biết do rủ đi câu cá, cả ba không bàn bạc nhau, khi gặp ông

H4 thì T4 và N không tham gia, không cổ vũ và có ý định ngăn cản (theo lời khai và đối chất giữa bị cáo với T4, N). Do vậy, chưa đủ cơ sở xác định có đồng phạm khác.

Tình tiết người bào chữa cho bị cáo cho rằng giữa Giấy y chứng và Kết luận có khác nhau về thương tích (về kích thước). Tuy nhiên qua ba lần giám định bị cáo không có khiếu nại và lần thứ ba bị cáo đồng ý Kết luận giám định nên được làm căn cứ xác định hậu quả do bị cáo đã gây ra.

Với các nội dung trên có cơ sở xác định hành vi, ý thức, hậu quả mà bị cáo đã gây và tội danh là có cơ sở nên không phải hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử; Quan điểm của người của người bào chữa; Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại có phần không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[5] Về án phí: Ông Trần Thế H4 không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo người bị hại, sửa quyết định của bản án sơ thẩm.

1. Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ vào điểm c khoản 3 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ Luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Tăng Hồng H** 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Án phí hình sự phúc thẩm ông Trần Thế Hùng không phải chịu.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam(3b);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Công an và VKSND huyện Mỏ Cày Nam (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- UBND xã Hương Mỹ, huyện Mỏ Cày Nam(1b);
- Bị cáo (1b);
- Người bị hại (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

Phạm Văn Tỉnh